

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST  
Ngày: 18 - 8 - 2022  
“V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự -  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuý Ngoan.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông Lam Minh Tâm.
2. Bà Trần Thị Út.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thanh X, sinh năm: 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 34, đường Bế Văn Đàn, phường AH, quận NK, thành phố CT.

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện LM, tỉnh HG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh Xuân (gọi tắt là bà Xuân) trình bày:***

Vào năm 2013 do quen biết họ hàng nên bà X có cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị P (gọi tắt là vợ chồng ông N) vay số tiền 55.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất là 4%/tháng, khi vay không làm biên nhận nợ, thoả thuận

vay vài tháng khi đáo nợ ngân hàng xong vay tiền sẽ trả lại cho bà X, nhưng sau đó vợ chồng ông N không có tiền trả cho bà X như đã thỏa thuận, nên xin tiếp tục nợ lại đóng lãi hàng tháng khi nào có tiền sẽ trả.

Từ khi vay đến nay vợ chồng ông N đóng lãi cho bà X được 04 tháng với số tiền là 8.800.000 đồng thì ngưng không đóng nữa, đến ngày 15/3/2014 thì bà P có viết biên nhận nợ cho bà X với số tiền 67.500.000 đồng (trong đó vốn gốc là 55.000.000 đồng và số tiền lãi chưa đóng là 12.500.000 đồng). Sau đó bà X có nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà P trả nợ nhưng chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Từ đó cho đến nay bà X có nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng ông N không thực hiện và cố tình kéo dài cho đến nay.

Nay bà X yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị P trả lại số tiền còn nợ theo biên nhận là 67.500.000 đồng và lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 15/3/2014 cho đến ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2022 là 90.931.500 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi là 158.431.500 đồng. Ngoài ra thì bà X không có yêu cầu gì thêm.

***Bị đơn bà Nguyễn Thị Phụng (gọi tắt bà Phụng) trình bày:***

Vào năm 2013 bà P có vay tiền của bà X để mua bán kinh doanh nhỏ ở nhà, vốn ban vay đầu là 55.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 4%/tháng, khi vay không làm biên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn trả, sau đó bà P đóng lãi được 4 tháng nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền, sau đó thì ngưng đóng. Đến ngày 15/3/2014 thì bà X kêu bà P viết biên nhận nợ với số tiền vốn ban đầu là 55.000.000 đồng và số tiền lãi chưa đóng là 12.500.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 67.500.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thất bại nên từ ngày 15/3/2014 cho đến nay thì chưa trả vốn cũng như trả lãi cho bà X được nữa.

Số tiền bà P vay của bà X chủ yếu là kinh doanh nhỏ ở nhà để trang trải cuộc sống gia đình, nhưng mua bán không được nên bị lỗ vốn, do đó chưa có khả năng trả nợ cho bà X, còn chồng bà là ông Nguyễn Hữu N không biết việc bà P vay tiền của bà X, đến năm 2014 khi bà P không có khả năng trả nợ cho bà X thì bà X có điện thoại cho chồng bà để đòi tiền thì chồng bà mới biết.

Nay bà P đồng ý trả cho bà X số tiền vốn là 55.000.000 đồng và số tiền lãi chưa đóng đến ngày 15/3/2014 là 12.500.000 đồng. Còn số tiền lãi từ ngày 15/3/2014 cho đến nay thì bà P xin không trả, do hiện nay không có điều kiện trả nợ.

***Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hữu N (gọi tắt là ông N) trình bày:***

Việc vợ ông N vay tiền của bà X bao nhiêu thì ông N không biết, nhưng khoảng năm 2014 thì bà X có điện thoại cho ông để thông báo là bà P vợ ông có vay tiền của bà X, ông N cũng có xin là trả từ từ, do khoản nợ quá lớn so với điều kiện của hai vợ chồng ông, hiện tại thì vợ chồng ông không có khả năng trả.

Từ trước đến nay thì vợ ông ở nhà mua bán kinh doanh nhỏ, ông N thì đi làm thuê và làm ruộng, hiện nay vợ chồng vẫn còn sống chung với nhau. Số tiền này tôi không xác định được nợ chung hay nợ riêng, nhưng vợ chồng ông N sẽ cố gắng kiếm tiền để trả cho bà X, nhưng yêu cầu bà X giảm bớt lãi suất, ông N chỉ đồng ý trả số tiền vốn ban đầu, còn tiền lãi từ ngày 15/3/2014 cho đến nay thì ông N không đồng ý trả

Tại phiên tòa, bà X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà X đồng ý giảm bớt lãi cho vợ chồng ông N, bà X yêu cầu vợ chồng ông N, bà P trả số tiền vay còn nợ vốn lãi tổng cộng 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà P đồng ý trả số tiền vay còn nợ cho bà X, nhưng xin trả vốn và lãi tổng cộng là 90.000.000 đồng. Bà P trình bày thêm, do ông N chồng bà bận đi làm ăn nên không tham gia phiên tòa được, nhưng có nêu lên ý kiến là ông N cũng đồng ý cùng bà P trả nợ cho bà X, nhưng xin trả vốn lãi là 90.000.000 đồng vì vợ chồng ông N, bà P điều kiện kinh tế khó khăn không có khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa, ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh X khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hữu N trả lại số tiền vay vốn và lãi tạm tính đến ngày 15/6/2022 là 150.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản” được Bộ luật dân sự điều chỉnh. Bị đơn ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị P có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã Vĩnh Thuận Đông, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông N nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông N theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh X, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà X có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ ngày 15/3/2014 thể hiện việc bà P có vay tiền của bà X. Vợ chồng bà P và ông N thừa nhận vợ chồng có vay tiền của bà X và có viết biên nhận nợ cho bà X đúng như bà X trình bày, vợ chồng bà P thừa nhận đã đóng lãi được 4 tháng nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền, sau đó thì ngưng không trả vốn cũng như trả lãi cho bà X. Theo biên nhận nợ ngày 15/3/2014 thể hiện chỉ có bà P ký tên vay tiền, mục đích vay là để kinh doanh nhỏ ở nhà nhằm trang trải cuộc sống kinh tế cho gia đình, mặc dù ông N cho rằng không biết về việc bà P vay số tiền này, nhưng ông N cũng thống nhất cùng bà P trả nợ cho bà X, nhưng không thống nhất trả lãi. Sự thừa nhận của bà P và ông N về việc có vay tiền của bà X là tình tiết không phải chứng minh bằng chứng cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định việc thỏa thuận vay tiền giữa bà X và vợ chồng ông N là có thật phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự năm 2005 và “*Biên nhận*” lập ngày 15/3/2014 do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 có chung quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Vợ chồng ông N, bà P đã vay tiền của bà X nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp của bà X nên việc bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà P trả lại số tiền vay là có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Xét mức lãi suất bà Xuân yêu cầu là 20%/năm đối số tiền 67.500.000 đồng tính từ ngày 15/3/2014 cho đến nay hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo sự thừa nhận của bà X và vợ chồng ông N, bà P xác định được mức lãi suất hai bên thỏa thuận khi giao kết hợp đồng vay tại thời điểm năm 2013 là 4%/tháng tương đương 48%/năm. Theo biên bản đối chất ngày 19/7/2022 bà X và bà P đều thừa nhận hợp đồng vay tiền giữa hai bên không xác định thời hạn trả vốn, khi nào có điều kiện thì trả, nếu không trả vốn thì bà P phải trả lãi cho bà X. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa bà X và vợ chồng ông N, bà P là hợp đồng vay không kỳ hạn và mức lãi suất đã thỏa thuận giữa bà X và vợ chồng ông N, bà P là cao so với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hội đồng xét xử điều chỉnh lại như sau:

Thời gian chậm trả lãi từ ngày nhận tiền là ngày 11/4/2013 đến ngày 01/01/2017 là 3 năm 8 tháng 21 ngày, mức lãi suất được áp dụng là 13,5%/năm

tương đương 1,125%/tháng. Vốn gốc là 55.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 3 năm 8 tháng 21 ngày = 27.658.125 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng). Từ ngày 02/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 18/8/2022 là 5 năm 7 tháng 16 ngày mức lãi suất được áp dụng là 20%/năm tương đương 1,67%/tháng. Vốn gốc là 55.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 5 năm 7 tháng 16 ngày = 61.905.556 đồng (sáu mươi một triệu chín trăm lẻ năm ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng). Tổng số tiền lãi là 89.563.681 đồng. Vợ chồng bà P đã đóng lãi với số tiền 8.800.000 đồng nên được khấu trừ vào số tiền lãi mà vợ chồng bà P phải trả cho bà X, do đó số tiền lãi còn lại là 80.763.681 đồng (tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi một đồng). Như vậy tổng số tiền vốn và lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 135.763.681 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi một đồng).

[2.3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền vay của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay tổng cộng vốn và lãi là 135.763.681 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi một đồng).

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hữu N phải nộp án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên tổng số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 135.763.681 đồng. Như vậy án phí là 135.763.681 đồng x 5% = 6.788.184 đồng (sáu triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn một trăm tám mươi bốn đồng). Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh X thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn giảm án phí nên bà X được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### ***Áp dụng:***

Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại tiền vay của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh X đối với bị đơn bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hữu N.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh X tổng số tiền vay là 135.763.681 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi một đồng). Trong đó, tiền vốn là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 80.763.681 đồng (tám mươi triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm tám mươi một đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Hữu N phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.788.184 đồng (sáu triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn một trăm tám mươi bốn đồng). Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thị Thúy Ngoan**